

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 1 (tháng 3/2017)

T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận định & Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2015 A1		6 – 8.5		6		0.3		
			QCVN 08:2015 A2		6 – 8.5		5		0.3		
			QCVN 08:2015 B1		5.5 – 9		4		0.9		
			QCVN 08:2015 B2		5.5 – 9		2		0.9		
1	1	Cổng Liên Mạc	Trời lạnh, t° = 18°C, độ ẩm 89%, gió ĐB 10 km/h. Cổng Liên Mạc 1 mở thông, cổng Liên Mạc 2 mở 1 cửa, dòng chảy chậm. Nước đang chảy ngược ra sông Hồng.	Nước màu xanh đen, mùi hôi.	7.97	28.3	0.28	0.4	0.505	509	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở Nhật Tụ rút nước bản. Bổ sung nước Liên Mạc
2	2	Cầu Diên - Từ Liêm	Trời lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 79%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	8.02	26.2	0.01	0.5	1.251	687	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận định & Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9		
											sinh. Mở Nhật Tụ rút nước bản. Bổ sung nước Liên Mạc, sông Đăm.
3	3	Đập Hà Đông	Trời hửng nắng, t° = 22°C, độ ẩm 65%, gió ĐĐN 6 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.66	28.6	0.02	0.6	3.815	756	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở Nhật Tụ rút nước bản. Bổ sung nước Liên Mạc, sông Đăm.
4	4	Cầu Tó	Trời hửng nắng, t° = 21°C, độ ẩm 60%, gió ĐĐN 12 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu đen kịt, mùi hôi thối.	7.85	26.6	0.03	0.6	5.618	762	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở Nhật Tụ rút nước bản. Bổ sung nước Liên Mạc, sông Đăm.

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận định & Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9		
5	5	Cầu Xém	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 57%, gió ĐDB 10 km/h. Dòng chảy rất chậm.	Nước màu đen kịt, mùi hôi thối.	7.98	44.7	0.03	0.6	2.797	807	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở Nhật Tụ rút nước bản. Bổ sung nước Liên Mạc, sông Đăm.
6	6	Đập Đồng Quan	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 52%, gió Đông 8 km/h. Đập mở thông, dòng chảy rất nhỏ về hạ lưu.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.98	77.8	0.09	0.6	2.906	749	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở Nhật Tụ rút nước bản. Bổ sung nước Liên Mạc, sông Đăm.
7	7	Đập Nhật Tụ	Trời nắng, t° = 26°C, độ ẩm 57%, gió NĐN 19 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy.	Nước màu xanh.	8.17	17	5.61	0.4	2.774	571	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận định & Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9		
											tồn động, thực vật thủy sinh. Mở Nhật Tựu tiêu nước bản, đón nước sạch từ Liên Mạc về
8	8	Công Lương Cổ	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 59%, gió NĐN 19 km/h. Dòng chảy chậm, nước từ sông Đáy chảy vào.	Nước màu xanh lục.	8.12	20.8	6.16	0.4	2.090	508	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở Nhật Tựu tiêu nước bản, đón nước sạch từ Liên Mạc về, đón nước ngược từ Phủ Lý lên.
9	9	Cầu Vân - Phủ Lý	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 62%, gió ĐĐN 17 km/h. Dòng chảy chậm, nước từ sông Đáy vào. Hạ lưu cầu nhiều tàu thuyền neo đậu.	Nước màu xanh lục.	7.88	12.9	7.16	0.3	1.119	437	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở Nhật Tựu tiêu nước

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận định & Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
					6 – 8.5			6		0.3		
					6 – 8.5			5		0.3		
					5.5 – 9			4		0.9		
					5.5 – 9			2		0.9		
												bắn, đón nước sạch từ Liên Mạc về
10	10	Sông Đăm	Trời lạnh, t° = 18°C, độ ẩm 90%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh lục.	7.84	24.4	1.49	0.3	1.018	443	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Bổ sung nước từ sông Hồng qua cống Đan Hoài.	
11	11	Sông Cầu Ngà	Trời lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 72%, gió ĐDB 11 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xám đục.	7.97	42.5	0.07	0.4	2.347	567	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Bổ sung nước từ sông Hồng qua cống Đan Hoài.	
12	12	Đập Thanh	Trời hừng nắng, t° = 21°C, độ ẩm 60%, gió ĐĐN 12	Nước màu	7.89	56.3	0.03	0.7	4.949	934	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy	

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận định & Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
					6 – 8.5			6		0.3		
					6 – 8.5			5		0.3		
					5.5 – 9			4		0.9		
					5.5 – 9			2		0.9		
		Liệt	km/h. Đập đóng, không có dòng chảy. Công giám áp vừa mở.	đen kịt.								lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Đóng kín cống.
13	13	Kênh Xuân La	Trời lạnh, t° = 18°C, độ ẩm 90%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy xiết, xáo trộn rối ở hạ lưu.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	8.05	41.2	0.01	0.5	1.212	740	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý nước thải trước khi đổ ra sông Nhuệ	
14	14	Kênh Phú Đô	Trời lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 70%, gió ĐDB 11 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xám đục.	7.89	56.3	0.03	0.7	1.997	938	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý nước thải trước khi đổ ra sông Nhuệ	
15	15	Kênh	Trời hửng nắng, t° = 19°C,	Nước	8.12	86.4	0.09	0.7	4.134	891	Không đủ điều kiện	

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận định & Khuyến cáo		
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)	
					6 – 8.5			6		0.3		
					6 – 8.5			5		0.3		
					5.5 – 9			4		0.9		
					5.5 – 9			2		0.9		
		tiêu Trung Vãn	độ ẩm 70%, gió BDB 11 km/h. Dòng chảy chậm.	màu xám đục, ngả màu đen, mùi hôi.								dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý nước thải trước khi đổ ra sông Nhuệ
16	16	Cầu Am – Vạn Phúc	Trời hửng nắng, t° = 21°C, độ ẩm 64%, gió ĐB 10 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Dưới sông nhiều rác thải.	Nước màu đen kịt, mùi hôi thối.	7.92	57	0.01	0.7	2.541	732	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý nước thải trước khi đổ ra sông Nhuệ	
17	17	Kênh La Khê	Trời hửng nắng, t° = 21°C, độ ẩm 64%, gió ĐB 10 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy.	Nước màu đen kịt, mùi hôi thối.	8.06	26.5	0.01	0.5	5.455	732	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận định & Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
					6 – 8.5			6		0.3		
					6 – 8.5			5		0.3		
					5.5 – 9			4		0.9		
					5.5 – 9			2		0.9		
												Mở cống Yên Nghĩa tiêu nước bản, đón nước từ Liên Mạc về
18	18	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Trời nắng, t° = 21°C, độ ẩm 53%, gió Đông 8 km/h. Nước chảy ngược, dòng chảy chậm, mực nước thấp, H = 0.3m. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	8.98	46.6	5.72	0.4	4.452	604	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
19	19	Kênh Duy Tiên	Trời nắng, t° = 27°C, độ ẩm 53%, gió Đông 8 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp.	Nước màu xanh.	8.72	52.5	4.61	0.4	16.317	552	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	
20	20	Kênh Yên Xá – Thanh Trì	Trời hừng nắng, t° = 21°C, độ ẩm 64%, gió ĐĐN 11 km/h. Dòng chảy nhanh, mực nước thấp. Phân biệt 2 màu đen kịt và đen tại điểm nhập lưu vào sông Nhuệ	Nước màu xám đục.	7.93	88.5	1.26	0.7	5.190	975	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.	

T T	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận định & Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9		
21	21	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà – Thường Tín	Trời nắng, t° = 23°C, độ ẩm 57%, gió ĐĐB 10 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Chân cầu nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	8.06	20.6	2.38	0.3	1.422	446	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
22	22	Kênh Hòa Bình (Thanh Trì)	Trời hửng nắng, t° = 21°C, độ ẩm 60%, gió ĐĐN 12 km/h. Cống đóng, không có dòng chảy.	Nước màu xanh.	8.31	13.9	4.24	0.5	3.232	669	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
23	23	Cống gầm cầu Trắng – Hà Đông	Trời hửng nắng, t° = 21°C, độ ẩm 64%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy nhỏ.	Nước màu xám đục.	8.15	70	0.24	0.8	5.074	1070	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.